TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 524/2019/HC-PT
Ngày: 05/6/2019
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về hủy giấy chứng nhận."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng
Các Thẩm phán : Bà Phan Thụy Vi
: Bà Đỗ T1 Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị L Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành xét xử phúc thẩm C1 kH3 vụ án hành chính thụ lý số 19/2019/TLPT- HC ngày 14/01/2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về hủy giấy chứng nhận".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2191/2019/QĐXXPT-HC ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Hà Thị Ngọc H1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 15B/12 tổ 63, khu phố 5, phường T1, Quận M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đặng Văn C– Đoàn Luật sư Hà Nội.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Chính Pháp, số 65B đường Tôn Đức Thắng, phường Đ, Thành phố H2.

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân Quận M.**

Địa chỉ: số 01 Lê Thị Riêng, phường Thới An, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn Đ**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận M (Giấy ủy quyền số 988/QĐ-UBND ngày 21/9/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Thân Thế H**, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1944;

3.2. Ông Hà Xuân H5, sinh năm 1967;

3.3. Bà Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số 91/1B khu phố 6A, phường T1, Quận M, Thành phố H.

3.4. Ông Hà Xuân T1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số 73 đường TTN08, khu phố 5, phường T1, Quận M, Thành phố H.

4. Người kháng cáo: Bà Hà Thị Ngọc H1 - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 24/9/2003, Ủy ban nhân dân Quận M (gọi Ủy ban Quận M) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 8746 (gọi Giấy 8746) cho ông Hà Văn C1 (chết 2003) và bà Nguyễn Thị H3 (sinh 1944) đối với nhà và đất tọa lạc tại 19 đường TTN 8, phường T1, Quận M, thực trạng nhà ở, đất ở như sau:

Nhà ở: Tổng diện tích sử dụng 79,7m^2 ; diện tích xây dựng 79,7m^2 ; kết cấu tường gạch, mái tôn; 01 tầng.

Đất ở: Thửa đất số 202 – 4, 203 – 2; tờ bản đồ 3D (sơ đồ nền); diện tích 203,0 m^2 ; sử dung riêng 203,0 m^2 .

Ngày 19/11/2003 Ủy ban Quận M cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 11924 (gọi Giấy 11924) cho ông Hà Xuân T1 (sinh 1970) và bà Lý Thị L (sinh 1970) đối với nhà và đất tọa lạc tại số 73 – khu phố 5, phường T1, Quận M, thực trạng nhà ở, đất ở như sau:

Nhà ở: Tổng diện tích sử dụng 114,0m^2 ; diện tích xây dựng 78,0m^2 ; kết cấu tường gạch, sàn gỗ, mái tôn; 02 tầng.

Đất ở: Thửa đất số 202 – 2; tờ bản đồ 3D (sơ đồ nền); diện tích 78,0m^2 ; sử dụng riêng 78,0m^2 .

Ngày 28/11/2003 Ủy ban Quận M cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 12717 (gọi Giấy 12717) cho ông Hà Xuân H5 (sinh 1967) và bà Trần Thị Tuyết S (sinh 1971) đối với nhà và đất tọa lạc tại 15B/12 – khu phố 5, phường T1, Quận M, thực trạng nhà ở, đất ở như sau:

Nhà ở: Tổng diện tích sử dụng 118,4m^2 ; diện tích xây dựng 106,4m^2; kết cấu tường gạch, sàn btct, mái tôn; 01 tầng + lửng.

Đất ở: Thửa đất số 202 – 1; tờ bản đồ 3D (sơ đồ nền); diện tích 130,4m^2 ; sử dung riêng 130,4m^2 .

** Theo Đơn khởi kiện; Bản tự kH3 ngày 24/10/2012; Biên bản đối thoại ngày 05/11/2014 và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện bà Hà Thị Ngọc H1 yêu cầu hủy cả 03 giấy chứng nhận trên với lý do như sau:*

Cha tên Hà Văn C1 (sinh năm 1939, chết 2003), mẹ tên Nguyễn Thị H3 có 6 người con chung gồm: Hà Thị Ngọc H1; Hà Xuân H5; Hà Xuân T1; Hà Thị Ngọc Thủy; Hà Xuân Hồng và Hà Thị Ngọc Dung.

Phần diện tích đất khoảng 1.600m^2 thuộc tờ bản đồ số 03 xã Xuân Thới Nhứt, huyện Hóc Môn (nay là phường T1 Quận M) do ông C1 và bà H3 trao đổi với bà Võ Thị Hoanh theo Đơn xin sử dụng đất ngày 21/10/1992, có xác nhận của Ủy ban huyện Hóc Môn ngày 21/12/1992. Sau đó, ông C1 bà H3 chuyển nhượng một phần diện tích cho người khác, còn lại khoảng 760m^2 bà H3 chia cho các con. Theo Đơn xin phân chia đất do bà H3 lập ngày 27/03/1998 thì bà H1; Ông H5; ông T1 và bà Thủy mỗi người được chia là 100 m^2 trên đất có nhà, phần diện tích còn lại 760m^2 - 300m^2 = 360m^2 ông C1 bà H3 sử dụng.

Năm 1999, Nhà nước tiến hành việc đăng ký kê kH3 nhà – đất, bà H3; Ông H5 và ông T1 đã đăng ký kê kH3 như sau:

- Ông H5 và vợ Trần Thị Tuyết S kH3: 100m^2, tờ đăng ký có mã 7012301 ngày 03/8/1999 ;

- Ông T1 và vợ Lý Thị L kH3: 100m^2, tờ đăng ký có mã 7012301 ngày 04/8/1999;

- Ông C1, bà H3 kH3: 360m^2, tờ đăng ký có mã 7012301 ngày 03/8/1999.

Ông C1 chết không để lại di chúc, bà H3 và những người được chia đất gồm vợ chồng Ông H5, vợ chồng ông T1 lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận và đã được Ủy ban Quận M cấp các giấy chứng nhận. Trong Giấy 8746; Giấy

11924 và Giấy 12717 Ủy ban Quận M C1 nhận diện tích nhà ở, đất ở không đúng pháp luật, cụ thể: trong các hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận trên đều có 2 Tờ kê kH3 đăng ký nhà - đất năm 1999 với diện tích khác nhau, đăng ký phần đất có diện tích lớn hơn phần đất lúc ban đầu bà H3 đã phân chia theo Đơn xin phân chia đất ngày 27/03/1998. Việc Ủy ban Quận M C1 nhận diện tích lớn hơn diện tích được chia đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người được hưởng thừa kế. Ngoài ra, tại thời điểm Ủy ban Quận M cấp giấy cho bà H3 ông C1 đã chết nhưng trên giấy vẫn ghi tên ông C1, như vậy là không đúng với trình tự cấp giấy.

** Tại Bản tự khai ngày 08/5/2013, các Biên bản đối thoại và Văn bản số 8413/UBND-TNMT ngày 02/11/2018 đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận M có ý kiến như sau:*

Khu đất có diện tích khoảng 1.600m^2 do ông C1 bà H3 sang nhượng của bà Võ Thị Hoanh vào khoảng 1992, đến năm 1993 có xây dựng trên khu đất 2 căn nhà, một căn do ông C1, bà H3 ở, còn căn kia để cho Ông H5 ở. Việc cho Ông H5 ở trong căn nhà thứ 2 bà H3 có làm Đơn xin chứng nhận cho nhà đất đề ngày 03/03/1993, có xác nhận của Trưởng ban ấp Thuận Hòa ngày 04/03/1993.

Năm 1998, bà H3 lập tờ chia đất cho các con gồm: bà H1; ông T1; Ông H5 và bà Thủy mỗi người là 100m^2 , trên đất đều có nhà. Sau đó, các con bà H3 tranh chấp đất với nhau và đã được Ủy ban phường T1 Quận M giải quyết theo Thông báo 158/TB-UB ngày 16/6/2003. Sau đó, bà H1 khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận tại Ủy ban Quận M, do việc khiếu nại của bà H1 xảy ra sau khi Ủy ban Quận M đã cấp giấy nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban Quận M đã ban hành C1 văn số 243/CV-UB ngày 29/4/2005 để trả lời khiếu nại cho bà H1.

Việc cấp các giấy chứng nhận cho bà H3 ông C1; Ông H5 bà S và ông T1 bà L Ủy ban Quận M đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1.

** Tại các Biên bản đối thoại ngày 16/10/2014 và ngày 28/10/2014 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3; ông Hà Xuân H5 bà Trần Thị Tuyết S trình bày:*

Yêu cầu khởi kiện của bà H1 bà H3; ông T1; Ông H5 và bà S không có ý kiến, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 30/11/2018, Tòa

án nhân dân Quận M đã quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H1 về yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận gồm: Giấy 8746; Giấy 11924 và Giấy 12717 của Ủy ban Quận M. Ngoài ra bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2018, Người khởi kiện bà H1 có đơn kháng cáo gửi đến Tòa, theo nội dung đơn Bà H1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà H1 trình bày:

Các tờ đăng ký nhà – đất năm 1999 của bà H3; Ông H5 và ông T1 mà bà vừa cung cấp cho Hội đồng xét xử, bà đang cất giữ bản chính.

Phiên tòa sơ thẩm được mở vào các ngày 26 và 30/11/2018, ngày 26 bà và Luật sư của bà có mặt còn người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Đến ngày 30 vì tình trạng sức khỏe nên bà vắng mặt.

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Đại diện người bị kiện vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H3; Ông H5 bà S; ông T1 vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Cường trình bày:

- Tố tụng: Cấp sơ thẩm đã sai phạm nghiêm trọng, cụ thể: Đưa người tham gia tố tụng thiếu, ông C1 và bà L là những người được cấp một trong các giấy chứng nhận trên đã chết, sơ thẩm không đưa hàng thừa kế thứ I của ông C1 bà L tham gia tố tụng; Không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C1 kH3 chứng cứ; Trong các hồ sơ xin cấp giấy có 2 tờ đăng ký kê kH3 nhà đất năm 1999 với 2 diện tích khác nhau, sơ thẩm không tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của người kê kH3 để làm rõ.

- Nội dung: Cả 3 Giấy chứng nhận trên đều cấp sai thẩm quyền theo quy định Luật Đất đai năm 1993; Trên góc phải theo mẫu giấy chứng nhận không có mã số hiệu; Trong mỗi hồ sơ không có xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã và quyết định cấp giấy theo quy định tại phụ lục mẫu tài liệu hồ sơ địa chính ban hành kèm theo Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 về hướng dẫn đăng ký đất đai; giữa Đơn xin chia đất năm 1998 của bà H3 và Tờ đăng ký kê kH3 nhà – đất năm 1999 diện tích đất có chênh Lch, sơ thẩm không

điều tra làm rõ; Đơn xin phân chia đất năm 1998 của bà H3 không hợp L, không có ông C1 tham gia vào việc phân chia nhà - đất cho các con, không có xác nhận tính hợp pháp; Thời điểm năm 2003, trong các con bà H3 có tranh chấp về quyền sử dụng phần diện tích đất do bà H3 phân chia, Ủy ban phường T1 có giải quyết tranh chấp và có ban hành Thông báo 58/TB.UB ngày 16/6/2003, như vậy đất có tranh chấp, Ủy ban phường xác nhận đất không tranh chấp là không đúng; Đối với hồ sơ xin cấp giấy của bà H3, tại thời điểm yêu cầu cấp giấy ông C1 đã chết, theo quy định của Bộ luật dân sự phải có văn bản thỏa thuận của các đồng thừa kế cử người đại diện đứng tên trên giấy và sau khi được cấp giấy phải tiến hành thủ tục kH3 nhận di sản thừa kế của ông C1.

Đề nghị: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng;

- Yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Ngọc H1 có cơ sở đề nghị chấp nhận, căn cứ Khoản 3 Điều 349 Bộ luật tố tụng hành chính hủy án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại Văn bản số 8413/UBND-TNMT ngày 02/11/2018; các Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 21/03/2019, ngày 22/03/2019 và Văn bản số 1490/TNMT-PC ngày 08/5/2019, người bị kiện có ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3; ông Hà Xuân T1 và ông Hà Xuân H5, bà Trần Thị Tuyết S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân Thành phố H tiến hành xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

[2] Về đơn kháng cáo :

Ngày 30/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 11/12/2018 người

khởi kiện bà Hà Thị Ngọc H1 nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo hợp L, còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 204, Khoản 1 Điều 205, Khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bà Hà Thị H1 kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1 vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.1] Theo đơn khởi kiện, bà H1 yêu cầu hủy Giấy 8746 cấp cho ông Hà Văn C1, bà Nguyễn Thị H3; Giấy 11924 cấp cho ông Hà Xuân T1, bà Lý Thị L và Giấy 12717 cấp cho ông Hà Xuân H5, bà Trần Thị Tuyết S. Theo Giấy kH3 tử số 09 quyển số 01/2003 đăng ký ngày 10/02/2003 thì ông C1 chết ngày 10/02/2003; Giấy kH3 tử số 115/2012 quyển số 01/2011 đăng ký ngày 07/12/2012 bà L chết ngày 07/12/2012. Các giấy chứng nhận là quyết định hành chính bị kiện, có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của hàng thừa kế thứ 1 của ông C1 và bà L, trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm không đưa hàng thừa kế thứ 1 của ông C1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L vào tham gia tố tụng.

[2.2] Theo quy định tại Điều 38, Khoản 1 Điều 96 và Điều 98 Luật Tố tụng hành chính, phải tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C1 kH3 chứng cứ và đối thoại. Trong hồ sơ vụ án thể hiện cấp sơ thẩm có thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C1 kH3 chứng cứ và đối thoại, tại Biên bản ngày 05/6/2018, đã ghi nhận sự có mặt của người khởi kiện bà H1 và sự vắng mặt của đại diện người bị kiện; đại diện những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện nhưng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C1 kH3 chứng cứ.

[2.3] Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 194 Luật Tố tụng hành chính "*Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về…quyền kháng cáo đối với bản án…"*. Theo lời trình bày của bà H1 và Biên bản phiên tòa ngày 26/11/2018 thì phiên tòa bắt đầu mở là ngày 26/11/2018 và kết thúc ngày 30/11/2018, ngày 26/11/2018 bà H1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có mặt, đại diện người bị kiện ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H3; ông T1 và Ông H5, bà S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông

Thân Thế H vắng mặt tại phiên tòa. Đến ngày 30/11/2018 phiên tòa tiếp tục, các đương sự có mặt gồm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H3; Ông H5 bà S, các đương sự vắng mặt gồm bà H1; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1; đại diện người bị kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 vắng mặt. Trong Biên bản nghị án ngày 30/11/2018 và bản án sơ thẩm có quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự vắng mặt, không quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự có mặt.

Việc sơ thẩm không đưa người tham gia tố tụng; không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C1 kH3 chứng cứ và không quyết định quyền kháng cáo của các đương sự có mặt là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục. Vì vậy, cần phải hủy án sơ thẩm, giữ lại hồ sơ tại Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết theo trình tự sơ thẩm được quy định tại Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Yêu cầu của người kháng cáo, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo và phát biểu đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với quy định pháp luật được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án

- Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H1 không phải nộp và được nhận lại án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 32, Điều 220; Khoản 4 Điều 225; Khoản 3 Điều 241; Điều 242 và Khoản 3 Điều 349 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ pháp Lnh án phí, L phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy án sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân

dân Quận M. Giữ lại hồ sơ tại Tòa án nhân dân Thành phố H để giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Hà Thị H1 không phải nộp. Hoàn trả cho bà Hà Thị Ngọc H1 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm tạm nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0046542 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Chi Cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Phượng